

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST
Ngày 09-02-2018
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Linh.

Ông Phạm Văn Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 317/2017/TLST – HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/QĐST- HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Ngọc L, sinh năm 1975 (có mặt).

Cư trú tại: ấp B, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Chị Tạ Thị N, sinh năm 1978 (có mặt).

Cư trú tại: ấp B, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 11/12/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phạm Ngọc L trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Tạ Thị N chung sống với nhau vào năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, chị N không tôn trọng ý kiến của anh. Ngoài ra, trong cuộc sống chị N giải quyết vấn đề tài chính mà không thông

qua ý kiến của anh. Nay cảm thấy vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài được nữa nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Tạ Thị N.

Về nuôi con chung: Anh và chị N có 02 người con chung tên Phạm Kiều D sinh ngày 01/01/2000 và Phạm Thị Ngọc Tr sinh năm 2006. Đối với Phạm Thị Ngọc Tr hiện đang sống với chị N. Sau khi ly hôn con có nguyện sống với ai thì người đó nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con. Hiện Phạm Kiều D đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

Về chia tài sản: Anh và chị N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 09/01/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Tạ Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh L chung sống với nhau vào năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng không có xảy ra mâu thuẫn hay cự cãi gì, trong cuộc sống gia đình chị luôn tôn trọng ý kiến của anh L, việc anh L cho rằng trong giải quyết vấn đề tài chính chị không thông qua ý kiến của anh L là không đúng vì khi anh L đi làm ăn xa bỏ lại chị và các con ở nhà thì chị phải tảo tần lo làm kiếm tiền để nuôi con ăn học và đưa em ruột chị có mượn chị một số tiền khi đó chị không cho anh L biết nhưng hiện nay đưa em cũng đã trả tiền đầy đủ. Vì lý do đó mà anh L yêu cầu ly hôn với chị N nên chị không đồng ý vì xét thấy còn yêu thương chồng và mẫu thuẫn gia đình không đến mức trầm trọng.

Về nuôi con chung: Chị và anh L có 02 người con chung tên Phạm Kiều D sinh ngày 01/01/2000 và Phạm Thị Ngọc Tr sinh năm 2006. Đối với Phạm Thị Ngọc Tr hiện đang sống với chị, nếu Tòa án giải quyết ly hôn chị yêu cầu được nuôi con không yêu cầu anh L cấp dưỡng. Hiện Phạm Kiều D đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

Về chia tài sản: Chị và anh L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Anh L bảo lưu quan điểm, chị N đồng ý ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Phạm Ngọc L và chị Tạ Thị N tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 đến nay chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống anh L và chị N có những mâu thuẫn bất hòa. Nay xét thấy đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên anh L yêu cầu ly hôn, chị N đồng ý. Xét thấy: Việc anh L và chị N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên căn cứ vào

Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình thì anh Phạm Ngọc L và chị Tạ Thị N không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về nuôi con chung: Gồm 02 người tên Phạm Kiều D, sinh ngày 01/01/2000 và Phạm Thị Ngọc Tr, sinh năm 2006. Hiện Phạm Kiều D đã trưởng thành nên không xem xét đến việc nuôi con và cấp dưỡng. Đối với Phạm Thị Ngọc Tr hiện nay cháu đang sống cùng anh chị, sau khi chị N, anh L ly hôn cháu có nguyện vọng sống cùng chị N, Hội đồng xét xử tôn trọng ý kiến của cháu Tr, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quyết định để chị Tạ Thị N được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Ngọc Tr, sinh năm 2006. Đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét. Anh L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được ngăn cản.

[3] Về chia tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì anh Phạm Ngọc L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh Phạm Ngọc L đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0014012 ngày 11/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiến được chuyển thu.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 9; Điều 14; Điều 81; Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Phạm Ngọc L và chị Tạ Thị N là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Chị Tạ Thị N được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Ngọc Tr, sinh năm 2006.

Anh Phạm Ngọc L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của chị Tạ Thị N.

3. Về chia tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm anh Phạm Ngọc L phải chịu 300.000 đồng. Anh Phạm Ngọc L đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0014012 ngày 11/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiến được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Mỹ Phương